TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2018.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Minh Lý;

Ông Cao Hoài Hiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Phú Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Ấp PL, xã PL, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Thanh A, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Ô 03, ấp TS, xã ĐT, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2017 của nguyên đơn - chị Trần Thị T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị T trình bày:

Chị và anh Trần Thanh A chung sống với nhau vào tháng 11 năm 2006, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 23/2007 ngày 29-5-2007 tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị và anh A chung sống hạnh phúc đến năm 2009 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do không phù hợp tính tình, bất đồng tư tưởng trong sinh hoạt kinh tề gia đình, anh A quản lý tiền bạc

của gia đình, anh A không quan tâm đến cuộc sống của vợ con, vợ chồng thường xuyên gây gổ. Chị bỏ đi về nhà cha mẹ ruột vào tháng 11 năm 2010, tháng 01 năm 2011 chị về đoàn tụ đến tháng 3 năm 2011 tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột và vợ chồng ly thân từ tháng 3 năm 2011 đến nay.

Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị và anh A có 01 con chung là cháu Trần Thị Thu H, sinh ngày 19-11-2007, anh A đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu giao anh A tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Thanh A trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Anh không biết nguyên nhân mâu thuẫn gì, vợ chồng cùng làm thuê sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2010, anh đi dự lễ cưới người bạn còn chị T ở nhà, chị T nói là về nhà thăm cha mẹ nhưng không trở về nhà anh, anh có đến rước nhiều lần nhưng chị T không về, anh có hỏi lý do chị T không nói mà chỉ nói là có lỗi với anh. Vợ chồng ly thân từ tháng 11 năm 2010 cho đến nay.

Anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thu H, sinh ngày 19-11-2007, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bô luật Tó tụng Dân sụ năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bô luật Tó tụng Dân sụ về việc xét xử sơ thẩm.

2. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Trần Thanh A.

Về con chung: Giao con chung là cháu cháu Trần Thị Thu H cho anh Trần Thanh A tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận anh A không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Thanh A vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Thanh A.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh A chung sống với nhau vào tháng 11 năm 2006, có đăng ký kết hôn vào ngày 29-5-2007 là hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và hiện tại vợ chồng có thời gian sống ly thân từ ngày 09-10-2010 Âm lịch đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị T và anh A lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cụ thể: Anh A không quan tâm đến cuộc sống của vợ con. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh A, anh A đồng ý ly hôn có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Trần Thị Thu H, sinh ngày 19-11-2007 do anh A đang nuôi dưỡng. Hiện tại, cháu Thu H phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Chị T đồng ý giao anh A tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thu H, Anh A đang có nghề nghiệp ổn định, cháu Trần Thị Thu H có nguyện vọng được anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, có cơ sở giao cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thu H là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh A không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: 1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Thanh A.

2. Về con chung: Giao anh Trần Thanh A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị Thu H, sinh ngày 19-11-2007.

Ghi nhận Anh Trần Thanh A không yêu cầu chị Trần Thị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Trần Thanh A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0009755 ngày 14-3-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị Trần Thị T đã nộp dủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã PL;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Nghện